

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2019/DS-ST**

Ngày: 23/4/2019

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Thanh Vân

2. Ông Võ Văn Thống

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Huỳnh Thị Mỹ D**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng: **Phạm Thị L**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:***

Chị và chị D đều là cò giới thiệu cho lái (thương lái) mua lúa để hưởng tiền hoa hồng (tiền cò) do lái trả khoảng 30.000 đồng/tấn - 40.000 đồng/tấn. Hai người quen biết và làm ăn chung mười mấy năm nay nhưng chị thường giới thiệu cho chị D mua lúa, sau

đó chị D bán lại cho lái khác để kiếm lời. Ngoài chị D, chị còn làm cò cho nhiều lái lúa khác.

Vào khoảng tháng 10/2018 âm lịch, chị có giới thiệu chị D mua 02 cây lúa thơm nhẹ D85 của chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và chị Phạm Thị L cùng ngụ ấp V, xã T, huyện G. Chị D đồng ý mua cây lúa của chị H1 với giá 7.500 đồng/kg, đưa trước tiền cọc 2.000.000 đồng và mua cây lúa của chị L với giá 7.650 đồng/kg, đưa trước tiền cọc 2.000.000 đồng nhưng chị L đòi cọc 3.000.000 đồng nên chị tự lấy 1.000.000 đồng của mình để đưa thêm cho chị L.

Đến ngày 24/10/2018 âm lịch, chị trực tiếp cân cây lúa của chị H1 là 5.203kg với số tiền 39.022.000 đồng. Vài ngày sau, chị thay chị D trả cho chị H1 số tiền 37.022.000 đồng, sau khi trừ cọc 2.000.000 đồng.

Đến ngày 29/10/2018 âm lịch, chị D trực tiếp cân cây lúa của chị L là 3.476kg với số tiền 26.590.000 đồng do chưa có tiền trả nên chị D dặn chị trả thay.

Sáng ngày 01/11/2018 âm lịch, chị L đến gặp chị đòi tiền lúa là 23.590.000 đồng, sau khi trừ cọc 3.000.000 đồng; chị có viết giấy tay đưa chị L giữ và trả đủ tiền cho chị L, trước đó chị có gọi điện thoại cho chị D để xác nhận lại số tiền đã cân lúa của chị L. Đến trưa cùng ngày, chị D hẹn gặp chị tại quán cà phê T (chợ A) để quyết toán các khoản tiền làm ăn chung, khi đó còn có anh Nguyễn Văn D ngụ ấp K, xã T, huyện G cũng là cò như chị đến gặp chị D. Sau khi tính tiền lúa giống, tiền ghe, ... thì chị D có trả cho chị các khoản tiền này và tiền mua cây lúa của chị H1 là 37.022.000 đồng nhưng còn nợ lại tiền mua cây lúa của chị L là 23.590.000 đồng và tiền cọc là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 24.590.000 đồng đến nay chưa trả. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị D có trách nhiệm trả lại chị số tiền còn nợ là 24.590.000 đồng 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

*** Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:**

Chị và chị H đều là cò giới thiệu cho lái mua lúa. Chị H thường làm cò cho chị và ngoài chị H thì chị còn làm ăn với nhiều cò lúa khác. Khoảng tháng 10/2018 âm lịch, chị H có giới thiệu cho chị mua 02 cây lúa của chị H1 và chị L như chị H trình bày. Tuy nhiên, chị chỉ đưa cho chị H 2.000.000 đồng để đưa tiền cọc cho chị L, chị H tự ý đưa thêm chị L 1.000.000 đồng không cho chị biết. Sau đó, chị là người trực tiếp cân cây lúa của chị L là 3.495kg với số tiền 26.740.000 đồng. Do chị H tự ý trả tiền lúa cho chị L mà không hỏi ý kiến chị nên không biết chị L cộng nhầm chỉ có 3.476kg với số tiền 26.590.000 đồng. Sau khi cân cây lúa chị L khoảng vài ngày, chị có hẹn gặp chị H tại quán cà phê T (chợ A) để quyết toán tiền làm ăn chung và sau khi trả tiền lúa giống, tiền ghe, .. thì chị cũng đã đưa đủ cho chị H tiền mua 02 cây lúa của chị H1 là 39.022.000 đồng (do chị không biết trừ nên chị H tự trừ 2.000.000 đồng tiền cọc để đưa lại chị) và chị L là 24.740.000 đồng. Do chị H là cò nên tự trả tiền lúa cho chị H1 và chị L. Khi đó, còn có anh D cũng là cò lúa đến gặp chị để quyết toán tiền như chị H. Trước đây, việc làm ăn giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng, mỗi người tự ghi sổ tay để theo dõi nên khi trả tiền lúa cho chị H cũng không có biên nhận và khi đó anh D đã ra về nên không có người

làm chứng. Nay chị xác định đã đưa cho chị H số tiền 24.740.000 đồng để trả tiền mua cây lúa của chị L nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng chị Phạm Thị L trình bày:**

Chị H là cò giới thiệu cho lái mua lúa. Chị đã bán lúa cho chị H từ mười mấy năm nay. Vào khoảng tháng 10/2018 âm lịch, chị có bán 01 cây lúa thơm nhẹ D85 do chị H giới thiệu cho chị D mua như chị H trình bày. Chị D là người trực tiếp cân lúa nhưng hẹn vài ngày sau mới trả tiền nên chị không đồng ý và tìm gặp chị H đòi tiền lúa. Ngày 01/11/2018 âm lịch, chị H có trả cho chị số tiền 23.590.000 đồng, sau khi trừ cọc 3.000.000 đồng mà chị H đã đưa trước, chị H có viết giấy tay đưa cho chị giữ. Sau khi chị H khởi kiện chị D thì chị mới biết khi cân lúa chị đã cộng nhầm như chị D trình bày. Nay chị không có yêu cầu gì trong vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Đòi lại tài sản” cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị H về việc đòi chị D trả số tiền 24.590.000 đồng. Nhận thấy:

[2.1] Việc chị H thay chị D trả cho chị Phạm Thị L ngụ ấp V, xã T, huyện G tiền mua lúa là có thật. Bởi lẽ, sự việc này được chị D thừa nhận, khi mua cây lúa của chị L thì chị chỉ đưa trả 2.000.000 đồng tiền cọc, số tiền lúa còn lại do chị H trực tiếp trả cho chị L vì chị H là cò lúa. Đây là tình tiết mà phía nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, theo lời khai của người làm chứng chị L cũng xác định có nhận trước tiền cọc là 3.000.000 đồng và ngày 01/11/2018 âm lịch nhận tiếp số tiền bán lúa còn lại là 23.590.000 đồng đều do chị H trực tiếp đưa trả. Việc chị D cho rằng đã đưa cho chị H số tiền 24.740.000 đồng tại quán cà phê T (chợ A) để trả tiền mua cây lúa của chị L nhưng chị H không thừa nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị phải có nghĩa vụ chứng minh lời trình bày của mình nhưng chị không chứng minh được nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị H có thay chị D trả tiền mua cây lúa của chị L là 24.590.000 đồng và hiện chị D vẫn chưa trả lại chị H số tiền này nên nay chị H kiện đòi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.2] Việc chị L có nhầm lẫn khi tính tổng trọng lượng lúa đã cân nhưng số tiền lúa mà chị H đã trả cho chị L được hai bên thống nhất là 26.590.000 đồng hơn nữa cũng không có ai tranh chấp mà theo ý kiến của chị L để các bên tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về thời hạn trả tiền: chị H yêu cầu chị D trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp do chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 24.590.000 đồng x 5% = 1.229.500 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 166, 280 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H. Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho chị H số tiền **24.590.000 đồng** (Hai mươi bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng). Thời hạn trả: thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm **1.229.500 đồng**.

- Hoàn lại chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **614.700 đồng** theo biên lai thu số 46053 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Thiên